

THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Biên soạn: HUYỀN THANH

Thích Ca Mâu Ni, tên Phạn là Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Năng, Thích Ca Văn.... lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhân, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, do **Năng Nhân** cho nên chẳng trụ ở Niết Bàn. **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác, do **Tịch Mặc** cho nên chẳng trụ ở sinh tử. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Bi Trí kèm vận, Chân Tục song dung, Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

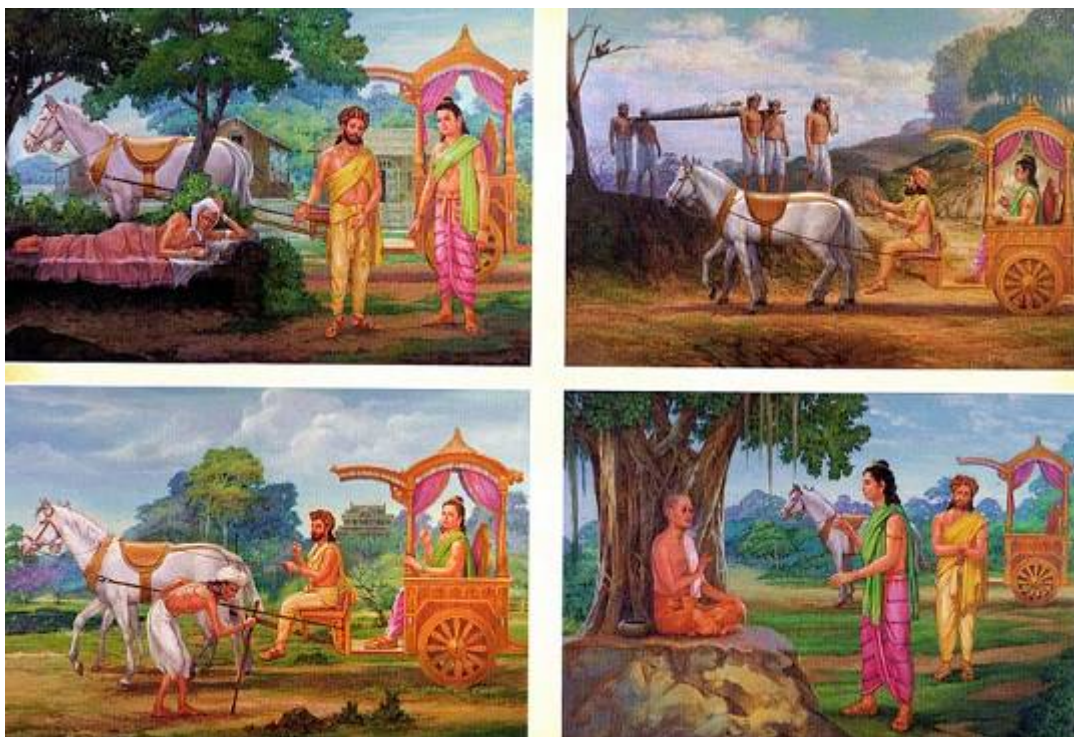
Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi-buddha) là Đức Phật thứ tư trong đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) tại Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) và là Đấng mở bày con đường **Chính Pháp Giải Thoát** hóa độ chúng sinh, hình thành Phật Giáo ngày nay.



Vào khoảng hơn 500 trước Tây Lịch, Ngài giáng sinh làm con trai của vua **Tịnh Phạn** (Suddhodana) với hoàng hậu **Ma Gia** (Mahā-māyā) tại thành **Ca Tỳ La Vệ** (Kapilavastu) ở Bắc Ấn Độ. Họ là **Kiều Đáp Ma** (Gautama), tên là **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha).



Từ nhỏ, Ngài đã cảm nhận được sự vui thú của nhân gian đều là vô thường, thấu hiểu sâu sắc sự đau khổ của **sinh già bệnh chết** nên luôn phát Tâm tìm con đường thoát khổ.



Năm 29 tuổi (có nơi ghi là 19 tuổi) Ngài từ biệt người vợ xinh đẹp là **Gia Du Đà La** (Yasodhara) với con trai thân yêu là **La Hầu Ha** (Rāhula), ban đêm lên rời khỏi cung vua, cởi bỏ áo mũ vương gia, xuất gia làm **Sa Môn** (Śramaṇa).



Sau 6 năm khổ hạnh, Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, quyết tâm nếu không chứng được Đạo **Vô Thượng Bồ Đề** thì không rời khỏi chỗ ngồi này. Trải qua 7 ngày (có chỗ nói là 49 ngày) vào lúc sáng sớm, nhìn thấy sao Mai liền chứng đạt được sự giác ngộ hoàn toàn viên mãn và được tôn xưng là **Thích Ca Mâu Ni** nghĩa là bậc Hiền Thánh của dòng tộc Thích Ca.



Khi đắc Đạo xong, đầu tiên Đức **Thích Tôn** đến vườn **Nai** (Mṛgadāva:Lộc Dã Viên) độ cho 5 anh em **Kiều Trần Như** (Ājñātakauṇḍinya).



Sau đó Ngài đến thành **Vương Xá** (Rāja-grha) hóa độ cho ba anh em **Ca Diếp** là: **Ưu Lô Tần Lễ Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), **Già Gia Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa), **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa) thuộc Ngoại Đạo thờ lửa...nhân đây danh tiếng của Ngài vang dội khắp nơi. Tiếp theo, Ngài độ cho **Tần Bà La Sa** (Bimbisāra) là vua nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), rồi tiếp đến hóa độ cho **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana)... Ba năm sau, Ngài trở về quê nhà, độ cho phụ vương **Tịnh Phạn** (Śuddhodana), di mẫu **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahāprajāpatī), các em nội ngoại là **A Nan** (Ānanda), **Nan Đà** (Nanda), **A Na Luật** (Anirudha) và con trai Ngài là **La Hầu La** (Rāhula)...Đến đây giáo đoàn của Đức Thích Ca đã hình thành vững chắc

Trọn 45 năm, Đức Phật thường hoằng Pháp độ sinh ở các nước dọc theo hai bờ **sông Hằng** (Gaṅga) là **Ma Kiệt Đà** (Magadha), **Kiều Tát La** (Kauśala), **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali) không hề ngưng nghỉ

Trong thời gian này Đức Phật được sự ủng hộ nhiệt tình của các vua **Tần Bà Sa La** (Bimbisāra), **Ba Tư Nặc** (Prasenajit), **A Xà Thế** (Ajātasatru) với rất nhiều Tín Chúng...cho nên nhiều Tinh xá được xây dựng ở các nơi. Đặc biệt có Tinh xá **Trúc Lâm** (Veṇuvana-vihāra) ở nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), Tinh xá **Kỳ Viên** (Jetavana Anāthapiṇḍada-ārāma) ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastya) và Tinh xá **Đại Lâm** (Mahā-vana) ở nước **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali)

Đến năm 80 tuổi, Ngài nhập vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa) dưới hai cây **Sa La** (Śāla) bên bờ sông **Bạt Đề** (Ajitavatī) tại thành **Câu Thi Na La** (Kusinagara) trong nước **Mạt La** (Malla)



Sau khi Đức Phật nhập diệt, Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) với các **Đệ Tử** ở thành **Vương Xá** đã kết tập các lời giảng dạy của Ngài thành Kinh Bản qua sự đọc tụng ghi nhớ. Từ đó về sau dần dần hình thành ba Tạng **Kinh** (Sūtrānta-piṭaka), **Luật** (Vinaya-piṭaka), **Luận** (Abhidharma-piṭaka) bằng chữ viết và lưu truyền cho đến ngày nay

